

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LAI CHÂU **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **11** /NQ-HĐND

Lai Châu, ngày **20** tháng 5 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2023 trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 1707/TTr-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận bổ sung danh mục các dự án, công trình phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các dự án, công trình phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2023 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 188/BC-HĐND ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2023 trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Diện tích đất phải thu hồi để thực hiện 65 công trình, dự án là 212,61 ha; mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự kiến là 50.233 triệu đồng (*Chi tiết có Biểu số 01 kèm theo*).

2. Diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng phải chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện 44 công trình, dự án là 80,22 ha, gồm:

Đất trồng lúa 26,66 ha, đất rừng phòng hộ 51,95 ha, đất rừng đặc dụng 1,61 ha
(Chi tiết có Biểu 02 kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Đối với các công trình, dự án phải thực hiện thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất mà có rừng, đề nghị UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

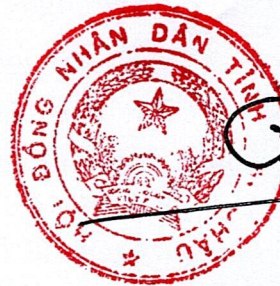
Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khoá XV, kỳ họp thứ mười lăm thông qua ngày 20 tháng 5 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giàng Páo Mỹ

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT PHÁT SINH NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU
(Kèm theo Nghị quyết số **11** /NQ-HĐND ngày **20** tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (Tr. đồng)	Ghi chú
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác		
	Tổng cộng: 65 công trình, dự án		212,61	16,21	47,83	148,57	50.233	
I	Huyện Than Uyên (21)		22,52	3,79		18,73	3.436	
I.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		22,52	3,79		18,73	3.436	
1	Nâng cấp đường giao thông từ thị trấn Than Uyên đi bãi đỗ xe Pù Quai xã Mường Cang và đi bản Thâm Phé xã Mường Kim	Các xã: Mường Kim, Mường Cang và thị trấn Than Uyên	1,66	0,04		1,62	80	
2	Mở mới đường sản xuất vùng chè bản Noong Ma, xã Tà Hừa (đoạn từ trường Mầm non xuống khu sản xuất), huyện Than Uyên	Xã Tà Hừa	0,40			0,40		Dân hiến đất
3	Mở mới đường nội đồng bản Noong Ma (khu người Mông) xã Tà Hừa - Ta Gia	Xã Tà Hừa	1,20			1,20		Dân hiến đất
4	Đường sản xuất từ Tầng Lóng - Huổi Luồng - Đông Mạt - Phiêng Mạt bản Gia xã Ta Gia	Xã Ta Gia	3,20	0,52		2,68	100	
5	Đường ra khu sản xuất bản Noong Quang xã Khoen On	Xã Khoen On	3,60	0,20		3,40	110	
6	Hỗ trợ vật liệu đường xuống bến thuyền bản Chát xã Mường Kim	Xã Mường Kim	0,85			0,85		Dân hiến đất
7	Sắp xếp ổn định dân cư xen ghép vùng đặc biệt khó khăn tại xã Tà Mung	Xã Tà Mung	1,97	1,97			2.861	
8	Đường sản xuất Chăm Cáy, bản Đắc, xã Hua Nà	Xã Hua Nà	0,61			0,61	30	
9	Mở mới, đổ bê tông đường nội đồng bản Muông xã Mường Cang	Xã Mường Cang	0,45	0,01		0,44	20	
10	Kè bảo vệ đất lúa bản Phiêng Cẩm xã Mường Cang	Xã Mường Cang	0,41	0,21		0,20	20	
11	Nâng cấp các tuyến đường nội bản Thâm Phé xã Mường Kim	Xã Mường Kim	0,47	0,21		0,26		Dân hiến đất
12	Kè suối Nậm Lung bảo vệ đất lúa và dân cư bản Là 1, Là 2 xã Mường Kim	Xã Mường Kim	0,27	0,06		0,21	20	
13	Mở mới đường nội đồng Pù Nhung (bản Cáp Na 1) xã Tà Hừa	Xã Tà Hừa	0,66	0,30		0,36	30	
14	Đường sản xuất từ đập Pom Ến đến đầu bản Sen Đông xã Mường Than	Xã Mường Than	0,70	0,05		0,65	30	
15	Làm mới đường nội đồng bản Hua Đán xã Khoen On	Xã Khoen On	1,25			1,25		Dân hiến đất
16	Đường nội đồng bản On đi Phiêng Mọt xã Khoen On	Xã Khoen On	1,03	0,06		0,97	30	
17	Đường sản xuất vùng chè bản Đắc xã Hua Nà	Xã Hua Nà	0,51			0,51	25	
18	Đường nội đồng Pá Khoang xã Pha Mu	Xã Pha Mu	2,19			2,19	80	
19	Đường nội đồng bản Mường, xã Mường Than	Xã Mường Than	0,16	0,16				Dân hiến đất
20	Đường nội bản Nà Dân xã Mường Kim	Xã Mường Kim	0,93			0,93		Dân hiến đất
21	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Ngã Ba Mường Kim xã Mường Kim	Xã Mường Kim	0,004			0,004		Dân hiến đất
II	Huyện Tân Uyên (1)		0,10			0,10	834	
II.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		0,10			0,10	834	
1	Trường mầm non xã Phúc Khoa - Điểm trung tâm	Xã Phúc Khoa	0,10			0,10	834	



STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (Tr. đồng)	Ghi chú
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác		
III	Huyện Tam Đường (3)		12,60	7,52		5,08	21.350	
III.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		12,60	7,52		5,08	21.350	
1	Đường từ Thị trấn Tam Đường đến đường nối thành phố Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Các xã: Bình Lư, Bàn Hôn và thị trấn Tam Đường	9,00	5,82		3,18	20.000	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận thu hồi tại Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 với diện tích 8,87ha; đăng ký lại do điều chỉnh thiết kế và hướng tuyến nền cơ cấu loại đất thay đổi
2	Trụ sở làm việc thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường	Thị trấn Tam Đường	2,10	1,68		0,42	300	
3	Xử lý điểm đen tai nạn giao thông đoạn Km46+800 – Km47+700, QL.4D, tỉnh Lai Châu	Các xã: Giang Ma, Tả Lèng	1,50	0,02		1,48	1.050	
IV	Huyện Sin Hồ (11)		18,74	1,98		16,76		
IV.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		18,74	1,98		16,76		
1	Đường xuống bến Huổi Lá, xã Nậm Hăn, huyện Sin Hồ	Xã Nậm Hăn	0,08			0,08		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận thu hồi tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 với diện tích 0,60 ha; đăng ký bổ sung diện tích
2	Đường xuống bến Huổi Pha 1, 2, xã Nậm Hăn, huyện Sin Hồ	Xã Nậm Hăn	1,81	0,40		1,41		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận thu hồi tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 với diện tích 1,50 ha; đăng ký bổ sung diện tích
3	Đường TT xã đến bản Hồng Ngải (đi qua đường nối QL 32), xã Pa Khóa, huyện Sin Hồ	Xã Pa Khóa	0,02	0,02				Đã được HĐND tỉnh chấp thuận thu hồi tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 với diện tích 0,50 ha; đăng ký bổ sung diện tích
4	Nâng cấp đường Nậm Há-Nậm Béo, xã Pu Sam Cáp, huyện Sin Hồ	Xã Pu Sam Cáp	7,42	0,52		6,90		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận thu hồi tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 với diện tích 6,50 ha; đăng ký bổ sung diện tích
5	Đường vào bản Ngải San, xã Làng Mố, huyện Sin Hồ	Xã Làng Mố	1,13			1,13		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận thu hồi tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 với diện tích 3,30 ha; đăng ký bổ sung diện tích
6	Đường từ Nậm Ngập đến Seo Phìn, xã Nậm Cha, huyện Sin Hồ	Xã Nậm Cha	2,70			2,70		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận thu hồi tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 với diện tích 5,40 ha; đăng ký bổ sung diện tích
7	Đường Huổi Lá - Quỳnh Nhai, xã Nậm Hăn, huyện Sin Hồ	Xã Nậm Hăn	3,05	0,70		2,35		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận thu hồi tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 với diện tích 2,5 ha; đăng ký bổ sung diện tích
8	Cầu Treo Na Sái - Nậm Há, xã Noong Hèo, huyện Sin Hồ	Xã Noong Hèo	0,04	0,04				Đã được HĐND tỉnh chấp thuận thu hồi tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 với diện tích 1,0 ha; đăng ký bổ sung diện tích
9	Đường Dền Thàng - Nậm Pè, xã Nậm Cha, huyện Sin Hồ	Các xã: Nậm Cha, Tả Ngáo	0,59			0,59		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận thu hồi tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 với diện tích 8,5 ha; đăng ký bổ sung diện tích



STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (Tr. đồng)	Ghi chú
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác		
10	Đường nội đồng Sáng Tùng - Nậm Khăm, xã Tà Ngáo, huyện Sin Hồ	Xã Tà Ngáo	0,20			0,20		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận thu hồi tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 với diện tích 6,0 ha; đăng ký bổ sung diện tích
11	Sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư bản Huổi Pha, xã Nậm Hăn, huyện Sin Hồ	Xã Nậm Hăn	1,70	0,30		1,40		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận thu hồi tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 với diện tích 3,6 ha; đăng ký bổ sung diện tích
V	Huyện Phong Thổ (01)		18,69	0,10		18,59	3.000	
<i>V.1</i>	<i>Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN</i>		<i>18,69</i>	<i>0,10</i>		<i>18,59</i>	<i>3.000</i>	
1	Hạ tầng thiết yếu khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng (Tuyến Km2+800 đến Km7 hạng mục Đường từ cầu Km1 đến khu vực Pô Tô; kê chính trị suối khu vực 43 ha san lấp tạo mặt bằng)	Xã Huổi Luông, xã Ma Li Pho	18,69	0,1		18,59	3.000	Đã được HĐND tỉnh chấp thuận thu hồi tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 với diện tích 5,32 ha; Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 với diện tích 6,8 ha; đăng ký lại do bổ sung diện tích và thêm hạng mục
VI	Huyện Nậm Nhùn (24)		112,20	1,95	35,30	74,95	19.013	
<i>VI.1</i>	<i>Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN</i>		<i>112,20</i>	<i>1,95</i>	<i>35,30</i>	<i>74,95</i>	<i>19.013</i>	
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Pú Đao	Xã Pú Đao	0,25			0,25		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận thu hồi tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 với diện tích 0,46 ha; đăng ký bổ sung diện tích do mở rộng khuôn viên nhà trường
2	Sắp xếp ổn định dân cư bản Huổi Van, xã Nậm Hàng	Xã Nậm Hàng	1,25	0,20		1,05		Đã được HĐND tỉnh chấp thuận thu hồi tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 với diện tích 4,6 ha; đăng ký bổ sung diện tích do bổ sung bãi
3	Đường đi khu sản xuất từ bản Tàng Ngá đi Huổi Sớ	Xã Nậm Chà	2,20			2,20	300	
4	Củng hóa đường giao thông đến bản Nậm Nghe	Xã Hua Bum	5,90			5,90	500	
5	Đường giao thông từ bản Pa Cheo đến nhóm Dền Thàng	Xã Hua Bum	7,85	0,10	5,05	2,70	300	
6	Kiên cố hóa đường giao thông từ bản Huổi Chát xã Nậm Manh - Huổi Mẩn đến Trung tâm xã Nậm Chà	Các xã: Nậm Manh, Nậm Chà	2,40			2,40	500	
7	Kiên cố hóa đường giao thông từ Km43 đến trung tâm xã Nậm Chà	Xã Nậm Chà	3,54			3,54	500	
8	Đường giao thông vùng cây ăn quả xã Mường Mô	Xã Mường Mô	4,68			4,68	200	
9	Đường giao thông vùng Quế, cây gỗ lớn xã Nậm Manh	Xã Nậm Manh	3,60			3,60	200	
10	Cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia đến các bản thuộc xã Nậm Pì (Nậm Vời, Pá Sập, Pá Đờn)	Xã Nậm Pì	3,88	0,06	2,76	1,06	278	
11	Trụ sở làm việc Thị trấn Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn	1,00			1,00	200	
12	Xây dựng hạ tầng các khu đất ở đô thị trục đường Lò Văn Hặc, thị trấn Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn	3,30			3,30		Thu hồi đất chưa sử dụng nên không phải bố trí kinh phí GPMB
13	Thù lợi cụm Nậm Chè, bản Hua Páng, xã Nậm Ban	Xã Nậm Ban	0,83			0,83	150	
14	Sắp xếp, ổn định dân cư bản Nậm Pồ, xã Nậm Manh, bản Nậm Cười, xã Hua Bum, huyện Nậm Nhùn	Các xã: Nậm Manh, Hua Bum	21,43		9,50	11,93	4.000	

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (Tr. đồng)	Ghi chú
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác		
15	Thủy lợi nhóm Dừa Vàng bản Pè Ngài 2, xã Nậm Pi	Xã Nậm Pi	2,20	0,20		2,00	300	
16	Đường giao thông liên vùng từ bản Huổi Van - Nậm Lay xã Nậm Hàng - bản Nậm Cười xã Hua Bum, huyện Nậm Nhùn	Các xã: Nậm Hàng, Hua Bum	39,35	1,00	17,99	20,36	10.000	
17	Cấp nước sinh hoạt khu Trung tâm xã Nậm Ban, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu	Xã Nậm Ban	1,00			1,00	200	
18	Thủy lợi bản Nậm Nghe, xã Hua Bum	Xã Hua Bum	0,93			0,93	150	
19	Thủy lợi bản Nậm Cười, xã Hua Bum	Xã Hua Bum	1,03			1,03	250	
20	Đường nội thị trấn Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn	1,50			1,50	100	
21	Đường nội đồng Nậm Xuân, xã Mường Mô	Xã Mường Mô	1,00	0,24		0,76	20	
22	Đường nội đồng Nậm Mô, xã Mường Mô	Xã Mường Mô	1,00	0,15		0,85	15	
23	Khu xử lý rác thải trung tâm xã Mường Mô	Xã Mường Mô	0,40			0,40		Thu hồi đất chưa sử dụng nên không phải bố trí kinh phí GPMB
24	Xử lý diễm tiềm ẩn, tai nạn giao thông đoạn Km23-Km24 (Đường tỉnh 127)	Xã Nậm Hàng và thị trấn Nậm Nhùn	1,68			1,68	850	
VII	Huyện Mường Tè (4)		27,76	0,87	12,53	14,36	2.600	
<i>VII.1</i>	<i>Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN</i>		<i>27,66</i>	<i>0,82</i>	<i>12,53</i>	<i>14,31</i>	<i>2.600</i>	
1	Cứng hóa đường từ các bản Xà Hồ, Pa Ủ, Hà Xi đến trung tâm xã Pa Ủ, huyện Mường Tè	Xã Pa Ủ	5,88	0,15	2,30	3,43	1.000	
2	Cứng hóa đường giao thông Km 13 - bản Pa Thắng - TT xã Thu Lũm, huyện Mường Tè	Xã Thu Lũm	12,06	0,13	9,95	1,98	600	
3	Cứng hóa đường từ các bản Sín Chải A +B, Chà Gá đến trung tâm xã Pa Vệ Sủ, huyện Mường Tè	Xã Pa Vệ Sủ	9,72	0,54	0,28	8,90	1.000	
<i>VII.2</i>	<i>Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN</i>		<i>0,10</i>	<i>0,05</i>		<i>0,05</i>		
4	Giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng và mở rộng đường dây 0,4kV cho các TBA khu vực huyện Mường Tè năm 2023	Các xã: Can Hồ, Bum Nưa, Thu Lũm	0,10	0,05		0,05		

Biểu số 02

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH PHẢI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG PHÁT SINH NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)



STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình (ha)				Ghi chú
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	
	Tổng cộng: 44 công trình, dự án		80,22	26,66	51,95	1,61	
I	Huyện Than Uyên (12)		3,79	3,79			
I.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		3,79	3,79			
1	Nâng cấp đường giao thông từ thị trấn Than Uyên đi bãi đỗ xe Pù Quai xã Mường Cang và đi bản Thẩm Phé xã Mường Kim, huyện Than Uyên	Các xã: Mường Kim, Mường Cang và thị trấn Than Uyên	0,04	0,04			
2	Đường sản xuất từ Tàng Lông - Huổi Luông - Đông Mạt - Phiêng Mạt bản Gia xã Ta Gia	Xã Ta Gia	0,52	0,52			
3	Đường ra khu sản xuất bản Noong Quang xã Khoen On	Xã Khoen On	0,20	0,20			
4	Sắp xếp ổn định dân cư xen ghép vùng đặc biệt khó khăn tại xã Tà Mung	Xã Tà Mung	1,97	1,97			
5	Kè bảo vệ đất lúa bản Phiêng Cẩm xã Mường Cang	Xã Mường Cang	0,01	0,01			
6	Nâng cấp các tuyến đường nội bản Thẩm Phé xã Mường Kim	Xã Mường Kim	0,21	0,21			
7	Kè suối Nậm Lung bảo vệ đất lúa và dân cư bản Là 1, Là 2 xã Mường Kim	Xã Mường Kim	0,21	0,21			
8	Mở mới đường nội đồng Pù Nhung (bản Cáp Na 1) xã Tà Hừa	Xã Tà Hừa	0,06	0,06			
9	Đường sản xuất từ đập Pom Ẽn đến đầu bản Sen Đông xã Mường Than	Xã Mường Than	0,30	0,30			
10	Làm mới đường nội đồng bản Hua Đán xã Khoen On	Xã Khoen On	0,05	0,05			
11	Đường sản xuất vùng chè bản Đắc xã Hua Nà	Xã Hua Nà	0,06	0,06			
12	Đường nội đồng bản Mường, xã Mường Than	Xã Mường Than	0,16	0,16			
II	Huyện Tân Uyên (02)		3,48	0,55	1,32	1,61	
II.1	Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN		3,48	0,55	1,32	1,61	
1	Thủy điện Nậm Bon I	Xã Phúc Khoa	3,33	0,55	1,17	1,61	Biên bản kiểm tra thực địa ngày 05/10/2022 không có rừng tự nhiên
2	Thủy điện Nậm Bon	Xã Phúc Khoa	0,15		0,15		Biên bản kiểm tra thực địa ngày 02/12/2021 không có rừng tự nhiên
III	Huyện Tam Đường (3)		7,52	7,52			
III.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		7,52	7,52			
1	Đường từ Thị trấn Tam Đường đến đường nối thành phố Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Các xã: Bình Lư, Bản Hôn và thị trấn Tam Đường	5,82	5,82			
2	Trụ sở làm việc thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường	Thị trấn Tam Đường	1,68	1,68			
3	Xử lý điểm đen Xử lý điểm đen tai nạn giao thông đoạn Km46+800 – Km47+700 QL4D, tỉnh Lai Châu	Các xã: Giang Ma, Tà Lèng	0,02	0,02			
IV	Huyện Sin Hồ (6)		1,98	1,98			
IV.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		1,98	1,98			



STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình (ha)				Ghi chú
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	
1	Đường xuống bến Huồi Pha 1, 2, xã Nậm Hãn, huyện Sin Hồ	Xã Nậm Hãn	0,40	0,40			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận chuyển mục đích tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 với diện tích 0,01 ha đất trồng lúa; đăng ký bổ sung diện tích
2	Đường TT xã đến bản Hồng Ngải (đi qua đường nối QL 32), xã Pa Khóa, huyện Sin Hồ	Xã Pa Khóa	0,02	0,02			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận chuyển mục đích tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 với diện tích 0,01 ha đất trồng lúa; đăng ký bổ sung diện tích
3	Nâng cấp đường Nậm Há-Nậm Béo, xã Pu Sam Cáp, huyện Sin Hồ	Xã Pu Sam Cáp	0,52	0,52			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận chuyển mục đích tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 với diện tích 1,0 ha; đăng ký bổ sung diện tích
4	Đường Huồi Lá - Quỳnh Nhai, xã Nậm Hãn, huyện Sin Hồ	Xã Nậm Hãn	0,70	0,70			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận chuyển mục đích tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 với diện tích 1,0 ha; đăng ký bổ sung diện tích
5	Cầu Treo Na Sái - Nậm Há, xã Noong Hèo, huyện Sin Hồ	Xã Noong Hèo	0,04	0,04			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận chuyển mục đích tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 với diện tích 0,2 ha đất trồng lúa; đăng ký bổ sung diện tích
6	Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư bản Huồi Pha, xã Nậm Hãn, huyện Sin Hồ	Xã Nậm Hãn	0,30	0,30			Đã được HĐND tỉnh chấp thuận chuyển mục đích tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 với diện tích 1,0 ha đất trồng lúa; đăng ký bổ sung diện tích
V	Huyện Phong Thổ (05)		9,30	8,66	0,64		
V.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		0,19	0,19			
1	Xây dựng lô cốt cố thủ và nhà bảo vệ Cụm điểm tựa phòng ngự tuyến biên giới Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Xã Hoàng Thèn	0,06	0,06			
2	Trụ sở Công an xã Sin Suối Hồ	Xã Sin Suối Hồ	0,13	0,13			
V.2	Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN		9,11	8,47	0,64		
3	Thủy điện Pa Vây Sừ 1	Xã Pa Vây Sừ	3,11	2,89	0,22		Biên bản kiểm tra thực địa ngày 13/10/2022 không có rừng tự nhiên
4	Thủy điện Nùng Than 1	Các xã: Vàng Ma Chải, Mù Sang, Ma Li Pho	5,58	5,58			



STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình (ha)				Ghi chú
			Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	
5	Thủy điện Tả Páo Hồ 1A	Các xã: Mô Si San, Si Lờ Lầu	0,42		0,42		Biên bản kiểm tra thực địa ngày 03/6/2022 không có rừng tự nhiên
VI	Huyện Nậm Nhùn (10)		45,88	3,88	42,00		
VI.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		37,25	1,95	35,30		
1	Đường giao thông từ bản Pa Cheo đến nhóm Dền Thàng	Xã Hua Bum	5,15	0,10	5,05		Biên bản kiểm tra thực địa ngày 11/02/2023 có 1,36 ha diện tích đất rừng
2	Cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia đến các bản thuộc xã Nậm Pi (Nậm Vời, Pá Sập, Pá Đôn)	Xã Nậm Pi	2,82	0,06	2,76		Biên bản kiểm tra thực địa ngày 10/02/2023 có 1,47 ha diện tích đất rừng
3	Sắp xếp, ổn định dân cư bản Nậm Pồ, xã Nậm Manh, bản Nậm Cười, xã Hua Bum, huyện Nậm Nhùn	Xã Hua Bum	9,50		9,50		Biên bản kiểm tra thực địa ngày 08/02/2023 có 11,85 diện tích đất rừng
4	Thủy lợi nhóm Dứa Vàng bản Pê Ngài 2, xã Nậm Pi	Xã Nậm Pi	0,20	0,20			
5	Đường giao thông liên vùng từ bản Huổi Van - Nậm Lay xã Nậm Hàng - bản Nậm Cười xã Hua Bum huyện Nậm Nhùn	Các xã: Nậm Hàng, Hua Bum	18,99	1,00	17,99		Biên bản kiểm tra thực địa ngày 09/02/2023 không có rừng tự nhiên
6	Nâng cấp đường nội đồng Nậm Xuân, xã Mường Mố	Xã Mường Mố	0,24	0,24			
7	Nâng cấp đường nội đồng Nậm Mố, xã Mường Mố	Xã Mường Mố	0,15	0,15			
8	Sắp xếp ổn định dân cư bản Huổi Van, xã Nậm Hàng	Xã Nậm Hàng	0,20	0,20			
VI.2	Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN		8,63	1,93	6,70		
9	Thủy điện Nậm Bùm 1	Xã Hua Bum	7,05	0,60	6,45		Có Công văn xác minh hiện trạng rừng của Sở Nông nghiệp và PTNT số 896/SNN-TCKH ngày 24/8/2018 không có rừng
10	Thủy điện Nậm Bùm 2	Xã Hua Bum	1,58	1,33	0,25		Biên bản kiểm tra thực địa ngày 24/9/2020 không có rừng tự nhiên
VII	Huyện Mường Tè (6)		8,27	0,28	7,99		
VII.1	Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN		0,26	0,16	0,10		
1	Trụ sở Công an xã Pa Ủ	Xã Pa Ủ	0,16	0,16			
2	Trụ sở làm việc Công an xã Ka Lăng	Xã Ka Lăng	0,10		0,10		Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 14/4/2023 không có rừng tự nhiên
VII.2	Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN		8,01	0,12	7,89		
3	Thủy điện Nậm Xí Lùng 1A	Xã Pa Vệ Sủ	7,55		7,55		Biên bản kiểm tra thực địa ngày 07/10/2022 không có rừng tự nhiên
4	Đường dây truyền tải 110kV đầu nối thủy điện Nậm Cầu vào lưới điện Quốc gia	Xã Bum Tờ và Thị trấn Mường Tè	0,20	0,05	0,15		Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 28/10/2022 không có rừng tự nhiên
5	Đường dây truyền tải 35kV đầu nối thủy điện Nậm Cầu Thượng vào lưới điện Quốc gia	Các xã: Bum Tờ, Pa Vệ Sủ	0,20	0,01	0,19		Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 10/4/2022 không có rừng tự nhiên
6	Giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng và mở rộng đường dây 0,4kV cho các TBA khu vực huyện Mường Tè năm 2023	Các xã: Can Hồ, Bum Nưa, Thu Lũm	0,06	0,06			